



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 209 + 210

Ngày 01 tháng 7 năm 2026

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

18-6-2026	Quyết định số 37/2026/QĐ-UBND quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	03
19-6-2026	Quyết định số 38/2026/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.	20
25-6-2026	Quyết định số 39/2026/QĐ-UBND ban hành Quy định về phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quản lý, khai thác các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	66

25-6-2026 Quyết định số 40/2026/QĐ-UBND ban hành Quy định về 77
chính sách và mức hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai
gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37/2026/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự,
thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14, Luật số 62/2020/QH14, Luật số 47/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ, Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định 144/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy

định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 72/2025/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 20726/TTr-SXD-BTKT ngày 12 tháng 6 năm 2026, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 7510/BC-STP ngày 04 tháng 12 năm 2025 và Công văn số 3795/STP-VB ngày 10 tháng 4 năm 2026.

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định về Quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 2. Bãi bỏ Quyết định

Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường xã, đặc khu, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự,
thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số 37/2026/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng, khai thác và xây dựng nút giao đối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương II

CHẤP THUẬN THIẾT KẾ VÀ CẤP PHÉP THI CÔNG NÚT GIAO ĐẦU NỐI VÀO ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG ĐANG KHAI THÁC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Điều 3. Đầu nối vào đường địa phương đang khai thác

1. Đầu nối vào đường địa phương đang khai thác gồm: đường tỉnh, đường đô thị, đường xã, đường thôn.

2. Yêu cầu khi đầu nối vào đường địa phương đang khai thác: Thực hiện theo quy định tại Luật Đường bộ và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

1. Sở Xây dựng chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công nút giao đối với:

- a) Công trình thực hiện đấu nối vào đường bộ do Sở Xây dựng quản lý.
- b) Công trình thực hiện đấu nối đồng thời vào đường bộ do Sở Xây dựng và đường bộ do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.
- c) Công trình đấu nối vào đường bộ được đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP).
- d) Công trình thực hiện đấu nối vào đường bộ cấp khu vực (theo QCVN 07-4:2023/BXD) trong các khu dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác theo quy định nhưng chưa được bàn giao cho cơ quan nhà nước quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công nút giao đối với:

- a) Công trình thực hiện đấu nối vào đường bộ do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý (trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).
- b) Công trình thực hiện đấu nối vào đường bộ cấp nội bộ (theo QCVN 07-4:2023/BXD) trong các khu dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác theo quy định nhưng chưa được bàn giao cho cơ quan nhà nước quản lý.

Điều 5. Trình tự, thủ tục và hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường địa phương đang khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

1. Chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đấu nối vào đường địa phương đang khai thác gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường địa phương đang khai thác đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 4 của Quy định này theo một trong các hình thức: trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường địa phương đang khai thác bao gồm:

- a) Đơn đề nghị theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này;
- b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: chủ trương đầu tư nút giao đấu nối đường khác vào đường được đề nghị đấu nối, thiết kế nút giao đấu nối vào đường bộ (nếu có);

c) Báo cáo kết quả thẩm tra, kết luận đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế xây dựng đối với các công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có yêu cầu thẩm tra theo danh mục được quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 144/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

d) Hồ sơ năng lực của tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại Luật Xây dựng và các quy định pháp luật liên quan.

e) Hồ sơ thiết kế nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác gồm: thuyết minh thiết kế, bản tính, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan, dự toán xây dựng công trình, chỉ dẫn kỹ thuật và quy trình bảo trì công trình xây dựng (nếu có);

2. Hồ sơ thiết kế nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác phải thể hiện các nội dung sau:

a) Vị trí, quy mô, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

b) Đánh giá ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông khi bổ sung nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác đối với các nội dung sau: nhu cầu vận tải trên các đường nhánh cần đầu nối, lưu lượng xe hiện tại trên đường chính; khảo sát, điều tra và đưa ra dự báo lưu lượng xe tại các đường nhánh đầu nối vào đường chính, lưu lượng xe trên đường chính sau khi có nút giao; đánh giá quy mô, tình trạng kỹ thuật; điều kiện địa hình, địa chất, mặt bằng, hệ thống thoát nước, các công trình hạ tầng khác khu vực dự kiến thiết kế nút giao và các đường nhánh, làn chuyển tốc thuộc phạm vi nút giao, các công trình hoàn trả (vĩa hè, điện chiếu sáng, tường bảo vệ, báo hiệu đường bộ); các đường nhánh, đường gom, đường bên và hệ thống đường bộ khác đã có trong khu vực; các nút giao đầu nối vào đường chính đã có phục vụ cho việc tận dụng làm điểm đầu nối chung hoặc xóa bỏ điểm đầu nối đã có và xây dựng đường gom, đường bên kết nối từ điểm đầu nối đã có về điểm đầu nối mới.

c) Xác định vị trí từng nút giao; loại nút giao đầu nối; quy mô đường nhánh đầu nối vào đường chính, việc xây dựng làn chuyển tốc tại từng nhánh nút giao đầu nối; phương án tổ chức giao thông phù hợp với nút giao đầu nối; các công trình phải xây dựng trong phạm vi nút giao đầu nối, công tác di dời công trình hạ tầng kỹ thuật, bồi thường giải phóng mặt bằng và hoàn trả kết cấu hạ tầng đường bộ của tuyến chính, công trình hạ tầng khác bị ảnh hưởng, nguồn lực thực hiện.

3. Trình tự và thời hạn giải quyết: Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục

hành chính quy định tại Điều 4 tại quy định này thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ;

b) Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành kiểm tra nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận nút giao đầu nối vào đường bộ theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này. Trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối có thời hạn 24 tháng, hết thời hạn nêu trên mà chủ đầu tư chưa gửi hồ sơ đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác theo quy định tại Điều 6 Quy định này hoặc có thay đổi về quy mô nút giao đầu nối thì phải thực hiện lại từ đầu thủ tục chấp thuận thiết kế nút giao.

5. Đối với kết nối giao thông thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là người có thẩm quyền quyết định đầu tư thì việc quyết định thiết kế nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác thực hiện trong quyết định phê duyệt dự án và không phải thực hiện thủ tục chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác.

6. Đối với dự án đầu tư xây dựng đường bộ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là người có thẩm quyền quyết định đầu tư khi kết nối giao thông vào đường bộ do Sở Xây dựng quản lý thì phải có ý kiến chuyên ngành của Sở Xây dựng trước khi phê duyệt dự án.

Điều 6. Trình tự, thủ tục và hồ sơ đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

1. Chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa

phương đang khai thác đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 4 của Quy định này theo một trong các hình thức: trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo quy định tại mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Thuyết minh và bản vẽ biện pháp tổ chức thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác; biện pháp bảo đảm giao thông đường bộ khi thi công xây dựng nút giao đầu nối.

2. Trình tự và thời hạn giải quyết: Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính quy định tại Điều 4 tại quy định này thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ;

b) Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền tiến hành xem xét hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối theo quy định tại mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này, trường hợp không cấp phép thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác theo tiến độ thi công đã được phê duyệt. Hết thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công mà chưa hoàn thành thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác thì phải thực hiện lại từ đầu thủ tục cấp phép.

Điều 7. Đầu nối tạm thời có thời hạn vào đường địa phương đang khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác đã được chấp thuận thiết kế hoặc đã được cấp phép thi công trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo các văn bản đã được chấp thuận thiết kế hoặc đã được cấp phép thi công trước đó.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 9. Tổ chức triển khai thực hiện

1. Các Sở, Ban ngành Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân các phường xã, đặc khu; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy định này.

2. Giám đốc Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thi hành Quyết định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hay cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, Sở Xây dựng có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các đơn vị liên quan và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để điều chỉnh hoặc tự ban hành văn bản hướng dẫn nếu thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định./.

Phụ lục I**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ VÀ VĂN BẢN CHẤP THUẬN THIẾT KẾ
NÚT GIAO ĐẦU NỐI VÀO ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG ĐANG KHAI THÁC
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Kèm theo Quyết định số 37/2026/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

MẪU SỐ 1**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ NÚT GIAO
ĐẦU NỐI VÀO ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG ĐANG KHAI THÁC
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ NÚT GIAO ĐẦU NỐI VÀO ĐƯỜNG
ĐỊA PHƯƠNG ĐANG KHAI THÁC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Về việc đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào ...(ghi Km hoặc tọa độ; số nhà; số hiệu trụ điện; số hiệu trụ chiếu sáng; số hiệu cây xanh,...) của tuyến đường ... (ghi tên, số hiệu đường bộ)

Kính gửi: (Ghi tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thiết kế nút giao vào đường địa phương đang khai thác)

Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ, Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số/2026/QĐ-UBND.... tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ ... (ghi các văn bản/quyết định phê duyệt vị trí nút giao đầu nối; dự án đầu tư xây dựng có nút giao đầu nối, văn bản giao chủ đầu tư xây dựng nút giao đầu nối);

Căn cứ hồ sơ thiết kế ... (ghi tên công trình nút giao đầu nối) kèm theo tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 5 của quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số/2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, do (3).... (ghi tên tổ chức tư vấn lập,

trường hợp thiết kế đã được thẩm định và phê duyệt thì ghi rõ số quyết định duyệt, cơ quan đã phê duyệt);

(2)... (ghi cơ quan đề nghị) đề nghị chấp thuận thiết kế của nút giao đầu nối vào ... (ghi Km hoặc tọa độ; số nhà; số hiệu trụ điện; số hiệu trụ chiếu sáng; số hiệu cây xanh,...) của tuyến đường ... (ghi tên, số hiệu đường bộ) do tổ chức tư vấn (3)... lập (trường hợp thiết kế đã được thẩm định và phê duyệt thì ghi rõ số quyết định duyệt, cơ quan đã phê duyệt) và được gửi kèm theo văn bản đề nghị này.

(2)... (ghi tên đơn vị ký đơn) cam kết thực hiện đúng văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối, sửa đổi, bổ sung đầy đủ báo hiệu đường bộ và công trình an toàn giao thông tại nút giao đầu nối; thực hiện các thủ tục cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối trước khi tổ chức thi công nút giao đầu nối, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, an toàn xây dựng khi thi công nút giao đầu nối, bảo vệ môi trường; không yêu cầu bồi thường, hoàn trả đúng yêu cầu kỹ thuật đối với các hạng mục kết cấu hạ tầng đường bộ bị ảnh hưởng do thi công nút giao đầu nối, đồng thời khắc phục các tồn tại nếu quá trình khai thác sử dụng nút giao xuất hiện điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông và đóng vị trí nút giao đầu nối theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền)

Địa chỉ liên hệ:.....

+ Số điện thoại:(nếu có); Email (nếu có);

+ Mã số định danh VNeID của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp:

Đề nghị phương thức nhận kết quả như sau:

- + Nhận kết quả trực tiếp:
- + Nhận kết quả trực tuyến
- + Nhận kết quả qua hệ thống bưu chính:

(Cơ quan, tổ chức, cá nhân có đơn đề nghị tự lựa chọn và đánh X vào phương thức nhận kết quả. Trường hợp đề nghị nhận qua đường bưu chính thì bổ sung địa chỉ nhận vào văn bản đề nghị).

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu VT.

(2)
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của tổ chức đề nghị (nếu có);
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào đường đường địa phương đang khai thác (do chủ đầu tư đứng đơn);
- (3) Tên tổ chức tư vấn.

MẪU SỐ 2
MẪU VĂN BẢN CHẤP THUẬN THIẾT KẾ NÚT GIAO
ĐẦU NỔI VÀO ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG ĐANG KHAI THÁC
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(2)

Số:/.....

....., ngày tháng năm 20...

Về việc chấp thuận thiết kế nút giao
đầu nổi vào ...(ghi Km hoặc tọa độ; số
nhà; số hiệu trụ điện; số hiệu trụ chiếu
sáng; số hiệu cây xanh,...) của tuyến
đường ... (ghi tên, số hiệu đường bộ)

Kính gửi: - (ghi tên đơn vị đề nghị chấp thuận nút giao đầu nổi);
- (ghi tên cơ quan cấp phép thi công nút giao đầu nổi trong
trường hợp cơ quan cấp phép nút giao đầu nổi khác cơ quan chấp
thuận thiết kế nút giao đầu nổi).

Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy
định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ, Điều 77 Luật Trật tự,
an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số /2026/QĐ-UBND.... tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục
cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn Thành phố
Hồ Chí Minh;

Căn cứ ... (ghi các văn bản/quyết định phê duyệt vị trí nút giao đầu nổi; dự án đầu tư
xây dựng có nút giao đầu nổi, văn bản giao chủ đầu tư xây dựng nút giao đầu nổi);

Sau khi xem xét thiết kế của nút giao đầu nổi vào ...(ghi Km hoặc tọa độ; số nhà; số
hiệu trụ điện; số hiệu trụ chiếu sáng; số hiệu cây xanh,...) của tuyến đường ... (ghi tên, số hiệu
đường bộ), ... (ghi cơ quan chấp thuận) chấp thuận nút giao đầu nổi với các nội dung sau:

1. Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nổi vào ...(ghi Km hoặc tọa độ; số nhà; số hiệu trụ
điện; số hiệu trụ chiếu sáng; số hiệu cây xanh,...) của tuyến đường ... (ghi tên, số hiệu
đường bộ) kèm theo các yêu cầu khác tại các mục a), b), c)... văn bản này;

2. Các yêu cầu khác đối với tổ chức, cá nhân được chấp thuận thiết kế nút giao đầu nổi
tại mục 1 văn bản này như sau:

a) ..

b) ...

c) ...

(Phần ghi các yêu cầu: sửa đổi bổ sung thiết kế nút giao đầu nối, sửa đổi, bổ sung đầy đủ báo hiệu đường bộ và công trình an toàn giao thông tại nút giao đầu nối; thực hiện các thủ tục cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối trước khi tổ chức thi công nút giao đầu nối, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, an toàn xây dựng khi thi công nút giao đầu nối, bảo vệ môi trường và không yêu cầu bồi thường, hoàn trả đúng yêu cầu kỹ thuật đối với các hạng mục kết cấu hạ tầng đường bộ bị ảnh hưởng do thi công nút giao đầu nối, đồng thời khắc phục các tồn tại nếu quá trình khai thác sử dụng nút giao xuất hiện điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông và đóng vị trí nút giao đầu nối theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền).

3. Văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối có thời hạn 18 tháng, hết thời hạn nêu trên mà chủ đầu tư chưa gửi hồ sơ đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào địa phương đang khai thác hoặc có thay đổi về quy mô nút giao đầu nối thì phải thực hiện lại từ đầu thủ tục chấp thuận thiết kế nút giao.

(2)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND/Sở GTCC...
-;
- Lưu ...

Hướng dẫn nội dung ghi

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của cơ quan chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối.
- (2) Tên cơ quan chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối.

khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

(2) cam kết thi công theo đúng Giấy phép thi công và quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:.....

+ Số điện thoại:(nếu có); Email (nếu có);

+ Mã số định danh VNeID của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp:

Đề nghị phương thức nhận kết quả như sau:

- + Nhận kết quả trực tiếp:
- + Nhận kết quả trực tuyến
- + Nhận kết quả qua hệ thống bưu chính:

(Cơ quan, tổ chức, cá nhân có đơn đề nghị tự lựa chọn và đánh X vào phương thức nhận kết quả. Trường hợp đề nghị nhận qua đường bưu chính thì bổ sung địa chỉ nhận vào văn bản đề nghị).

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu VT.

(2)
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, tổ chức đề nghị (nếu có);
- (2) Tên chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nổi.

b).....;

3. Các yêu cầu đối với đơn vị thi công công trình:

- Mang giấy này đến người quản lý, sử dụng đường bộ (trực tiếp quản lý tuyến đường) để nhận bàn giao mặt bằng hiện trường; tiến hành thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo hồ sơ tổ chức thi công được duyệt và các quy định của pháp luật về đường bộ, pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ khi thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

- Sau khi nhận mặt bằng thi công, đơn vị thi công phải chịu trách nhiệm về an toàn giao thông, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của người quản lý, sử dụng đường bộ và cơ quan có thẩm quyền khác;

- Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, nếu đơn vị thi công không thực hiện việc tổ chức giao thông, gây mất an toàn giao thông sẽ bị đình chỉ thi công; mọi trách nhiệm liên quan đến tai nạn giao thông và chi phí thiệt hại khác (nếu có) đơn vị thi công tự chịu, ngoài ra còn chịu xử lý theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đền bù thiệt hại công trình đường bộ do lỗi của đơn vị thi công gây ra khi thi công trên đường bộ đang khai thác;

- Khi kết thúc thi công phải bàn giao lại mặt bằng thi công cho đơn vị quản lý đường bộ;

- (các nội dung khác nếu cần thiết)

4. Thời hạn thi công:

Giấy phép thi công này có thời hạn từ ngày.../.../20 ...đến...ngày.../...../20....

(...2....) NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

-

-

Hướng dẫn nội dung ghi:

(1): Ghi tên dự án, công trình cấp giấy phép thi công.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm quyền chấp thuận thiết kế.

(3): Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thi công.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38/2026/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương
thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quản lý**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường sắt số 95/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 15/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 16/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đường sắt;

Căn cứ Thông tư số 34/2025/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về

quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 20519/TTr-SXD-QLDS ngày 11 tháng 6 năm 2026 và kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 1679/BC-STP ngày 13 tháng 02 năm 2026.

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt, chủ sở hữu công trình đường sắt đầu tư bằng nguồn vốn ngoài nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Xuân Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương
thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quản lý
(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này điều chỉnh hoạt động quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quản lý bao gồm công trình đường sắt do Nhà nước đầu tư và công trình đường sắt đầu tư bằng nguồn vốn ngoài Nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về kết cấu hạ tầng đường sắt trên địa bàn Thành phố; các sở, ban, ngành có liên quan; cơ quan, tổ chức được Ủy ban nhân dân Thành phố giao nhiệm vụ thực hiện đầu tư xây dựng đường sắt địa phương, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt; chủ sở hữu công trình đường sắt đầu tư bằng nguồn vốn ngoài nhà nước và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đường sắt địa phương* là đường sắt phục vụ nhu cầu vận tải của địa phương và vùng kinh tế. Đường sắt đô thị là một loại hình của đường sắt địa phương phục vụ nhu cầu vận tải hành khách ở khu vực đô thị và vùng phụ cận.

2. *Bảo trì công trình đường sắt* là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình đường sắt theo quy định của thiết

kế hoạch quy trình bảo trì, bao gồm:

a) *Bảo dưỡng công trình đường sắt* là hoạt động theo dõi, chăm sóc, sửa chữa những hư hỏng nhỏ của công trình và thiết bị lắp đặt vào công trình, tuân, gác, trực giải quyết trở ngại chạy tàu được tiến hành thường xuyên, định kỳ để duy trì công trình ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường và hạn chế phát sinh các hư hỏng công trình;

b) *Sửa chữa công trình đường sắt* là việc khắc phục, khôi phục, cải tạo hoặc thay thế những hư hỏng của bộ phận công trình, thiết bị, cấu kiện công trình hay toàn bộ công trình được phát hiện trong quá trình khai thác, sử dụng nhằm bảo đảm sự làm việc bình thường, an toàn của công trình và an toàn giao thông vận tải đường sắt. Sửa chữa công trình đường sắt bao gồm sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất:

Sửa chữa định kỳ công trình đường sắt là sửa chữa hư hỏng hoặc cải tạo, thay thế bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình bị hư hỏng được thực hiện định kỳ theo quy định của quy trình bảo trì và kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt được duyệt;

Sửa chữa đột xuất công trình đường sắt là sửa chữa được thực hiện khi bộ phận công trình, công trình bị hư hỏng do chịu các tác động đột xuất như gió, bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy và những tác động đột xuất khác hoặc khi bộ phận công trình, công trình có biểu hiện xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành, khai thác công trình;

c) *Kiểm tra công trình đường sắt* là việc quan sát bằng trực quan hoặc bằng thiết bị chuyên dụng để đánh giá hiện trạng công trình nhằm phát hiện kịp thời các dấu hiệu xuống cấp, những hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình để có biện pháp xử lý kịp thời. Công tác kiểm tra công trình đường sắt bao gồm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất;

d) *Công tác khác* là nội dung được xác định theo kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt bao gồm các nhiệm vụ: kiểm định công trình; lập, thẩm tra quy trình bảo trì; xây dựng, thẩm tra định mức kinh tế - kỹ thuật bảo trì công trình đường sắt; trông coi bảo quản vật tư thu hồi từ công tác bảo trì công trình đường sắt; tháo dỡ, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; lập, cập nhật hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt; cắm mốc giới đất dành cho đường sắt và các nhiệm vụ cần thiết khác phục vụ vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt.

3. *Cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng đường sắt* là tập hợp các thông tin về công trình

và lịch sử bảo trì công trình đường sắt được xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác sử dụng thống nhất trên phạm vi cả nước.

4. *An toàn hệ thống* là việc bảo đảm an toàn bằng cách áp dụng có hệ thống các biện pháp kỹ thuật, công cụ quản lý để xác định các nguy cơ, kiểm soát tỷ lệ xuất hiện của một nguy hiểm gây ra thiệt hại và mức độ nghiêm trọng của thiệt hại đó nhằm đạt được các mục tiêu về độ tin cậy, tính sẵn sàng, khả năng bảo dưỡng, độ an toàn.

5. *Đánh giá rủi ro* là quá trình phân tích định tính hoặc định lượng tỷ lệ xuất hiện của một nguy hiểm gây ra thiệt hại và mức độ nghiêm trọng của thiệt hại đó để có cơ sở lựa chọn áp dụng các biện pháp kiểm soát hiệu quả.

6. *Đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống* là việc đánh giá độc lập về an toàn hệ thống đối với các hạng mục công việc thực hiện và xác nhận tuyến đường sắt bảo đảm an toàn vận hành.

7. *Chủ đầu tư* là cơ quan, tổ chức được Ủy ban nhân dân Thành phố giao nhiệm vụ thực hiện đầu tư xây dựng tuyến đường sắt địa phương do Nhà nước đầu tư.

8. *Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt* là doanh nghiệp được đại diện chủ sở hữu giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương để kinh doanh kết cấu hạ tầng hoặc kinh doanh vận tải đường sắt do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

9. *Chủ sở hữu công trình đường sắt* là tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp dự án hoặc nhà đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng công trình đường sắt theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, sử dụng nguồn vốn hợp pháp không thuộc ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương

1. Tuân thủ quy định của Luật Đường sắt, pháp luật về xây dựng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình bảo trì, quy trình vận hành khai thác được phê duyệt và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người, phương tiện, công trình; tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ, cứu nạn cứu hộ và bảo vệ môi trường trong không gian ngầm và trên cao.

3. Bảo đảm hoạt động giao thông vận tải đường sắt diễn ra liên tục, thông suốt, đúng biểu đồ chạy tàu; duy trì và kiểm soát chặt chẽ các điều kiện an toàn hệ thống trong quá trình khai thác.

4. Phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý, bảo trì, bảo hành kết cấu hạ tầng đường sắt. Công tác bảo trì không bao gồm các hạng mục thuộc trách nhiệm bảo hành của nhà thầu trong thời gian bảo hành.

5. Việc quản lý, bảo trì phải thực hiện theo kế hoạch, quy trình kỹ thuật đã được phê duyệt, bảo đảm tối ưu hóa chi phí và tuổi thọ công trình.

6. Ưu tiên ứng dụng công nghệ tự động hóa, công nghệ thông tin, chuyên đổi số trong quản lý, giám sát trạng thái kỹ thuật và thực hiện bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương.

Chương II

QUẢN LÝ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT ĐỊA PHƯƠNG DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ

Điều 4. Nội dung quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, bảo trì công trình đường sắt

1. Nội dung quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt gồm:

a) Lập, phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt, giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt; quản lý nguồn tài chính cho công tác quản lý kết cấu hạ tầng và bảo trì công trình đường sắt;

b) Thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt và quản lý chất lượng dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt;

c) Phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố đối với kết cấu hạ tầng đường sắt;

d) Bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định;

đ) Quản lý, theo dõi và tổ chức xử lý các vị trí công trình xung yếu, có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn trong quá trình sử dụng;

e) Tổ chức lập, cập nhật hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt; cập nhật cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng đường sắt;

g) Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

2. Nội dung bảo trì công trình đường sắt

a) Nội dung bảo trì công trình đường sắt được lập thành kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt bao gồm các công việc sau: bảo dưỡng, quan trắc và công tác khác; quản lý, giám sát công tác bảo dưỡng công trình đường sắt; sửa chữa công trình; bổ sung, thay thế hạng mục, thiết bị công trình để việc khai thác sử dụng công trình bảo đảm an toàn;

b) Công tác sửa chữa công trình được xác định theo thiết kế xây dựng hoặc phương án kỹ thuật và thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

c) Công tác bảo dưỡng công trình đường sắt và quản lý, giám sát công tác bảo dưỡng công trình đường sắt; bổ sung, thay thế hạng mục, thiết bị công trình được xác định theo phương án tác nghiệp kỹ thuật bảo dưỡng công trình của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt;

d) Nhiệm vụ quan trắc và công tác khác được xác định theo đề cương được phê duyệt và thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

Điều 5. Yêu cầu đối với công tác quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, bảo trì công trình đường sắt

1. Công tác quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện thống nhất, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và trách nhiệm phối hợp hoạt động giữa các cơ quan, đơn vị.

2. Bảo trì công trình đường sắt được thực hiện theo kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt được phê duyệt và quy trình bảo trì, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Bảo trì công trình đường sắt phải bảo đảm an toàn cho người, tài sản, công trình; bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt; phòng, chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

4. Những công việc được thực hiện trước khi điều chỉnh, bổ sung trong kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt gồm:

a) Công trình khẩn cấp khắc phục hậu quả thiệt hại do thiên tai, sự cố gây ra;

b) Nhiệm vụ xử lý đối với công trình đường sắt có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng theo quy định tại Điều 8 của Quy định này.

Điều 6. Hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, bảo trì công trình đường sắt

1. Hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt được lập cho từng loại công trình đường sắt, bảo đảm phù hợp với phạm vi quản lý và được cập nhật thường xuyên để phục vụ công tác bảo trì công trình đường sắt. Hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt bao gồm hồ sơ trạng thái kỹ thuật công trình; hồ sơ quản lý phạm vi bảo vệ công trình, hành lang an toàn giao thông đường sắt; hồ sơ hoàn thành công trình (nếu có) và được quy định như sau:

a) Hồ sơ trạng thái kỹ thuật công trình:

Hồ sơ trạng thái kỹ thuật công trình được lập cho từng công trình trong đó thể hiện vị trí, phạm vi, quy mô; đặc tính kỹ thuật; thời gian xây dựng, sửa chữa; thời điểm kiểm tra và tình trạng kỹ thuật hiện tại của công trình;

Hồ sơ trạng thái kỹ thuật công trình bao gồm các tài liệu quy định tại Quy trình bảo trì, bảng tổng hợp trạng thái kỹ thuật công trình theo mẫu tại Phụ lục I của Quy định này;

b) Hồ sơ quản lý phạm vi bảo vệ công trình, hành lang an toàn giao thông đường sắt được lập cho từng tuyến đường sắt, bảo đảm đồng bộ với hồ sơ mốc giới đất dành cho đường sắt theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đường sắt, trên cơ sở ranh giới đất của dự án đường sắt địa phương đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung hồ sơ thể hiện thông tin chủ yếu gồm: phạm vi xây dựng công trình đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình và phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt;

c) Hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

d) Hồ sơ trạng thái kỹ thuật công trình, hồ sơ quản lý phạm vi bảo vệ công trình, hành lang an toàn giao thông đường sắt được cập nhật trong khoảng thời gian không quá 90 ngày kể từ khi hoàn thành bảo trì công trình hoặc phát sinh thay đổi trong thực tế.

2. Hồ sơ bảo trì công trình đường sắt

a) Hồ sơ bảo trì công trình đường sắt gồm tài liệu phục vụ công tác bảo trì và hồ sơ hoàn thành bảo trì được lập cho từng công trình, nhiệm vụ theo kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt được phê duyệt;

b) Tài liệu phục vụ công tác bảo trì công trình đường sắt gồm: kết quả điều tra trạng thái cơ bản của công trình đường sắt; kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt, phương án giá dịch vụ sự nghiệp công được phê duyệt; kết quả kiểm tra công trình đường sắt, quan trắc, kiểm định chất lượng công trình (nếu có) để phục vụ công tác bảo trì;

c) Hồ sơ hoàn thành bảo dưỡng công trình gồm: phương án tác nghiệp kỹ thuật bảo dưỡng công trình được phê duyệt bởi doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt; tài liệu quản lý chất lượng bảo dưỡng công trình theo quy trình bảo trì và biên bản nghiệm thu hoàn thành công tác bảo dưỡng;

d) Hồ sơ hoàn thành sửa chữa công trình được lập theo quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

đ) Hồ sơ hoàn thành công trình khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố gồm: biên bản xác nhận thiệt hại do thiên tai, sự cố gây ra; hồ sơ thiết kế hoặc phương án kỹ thuật sửa chữa, khôi phục được phê duyệt; hồ sơ quản lý chất lượng trong quá trình thi công (kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm, chứng nhận chất lượng hàng hóa, vật tư); bản vẽ hoàn công và biên bản nghiệm thu hoàn thành công tác khắc phục;

e) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến bảo trì công trình đường sắt.

3. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức lập, cập nhật hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt.

Điều 7. Quan trắc, kiểm định chất lượng công trình, bộ phận công trình đường sắt trong quá trình khai thác, sử dụng

1. Quan trắc công trình

a) Việc quan trắc công trình trong quá trình khai thác, sử dụng là bắt buộc đối với các công trình quan trọng của hệ thống đường sắt (hầm, cầu cạn, nhà ga ngầm, tường chắn) và các hạng mục công trình có yêu cầu quan trắc theo thiết kế xây dựng hoặc quy trình bảo trì;

b) Ngoài các trường hợp quy định tại Điểm a, quan trắc phải được tổ chức khi công trình, bộ phận công trình xuất hiện dấu hiệu lún, nghiêng, nứt, thấm nước hoặc các biến dạng bất thường khác có khả năng gây mất an toàn chịu lực hoặc ảnh hưởng đến an toàn chạy tàu;

c) Theo yêu cầu của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng;

d) Hệ thống móc quan trắc phải được quản lý, bảo vệ và bảo trì để bảo đảm kết quả quan trắc liên tục, chính xác trong suốt vòng đời công trình.

2. Kiểm định chất lượng công trình phục vụ bảo trì

Việc kiểm định chất lượng công trình được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Kiểm định định kỳ theo quy trình bảo trì đã được phê duyệt hoặc theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành;

b) Khi phát hiện công trình, bộ phận công trình có hư hỏng hoặc dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác, sử dụng;

c) Khi cần đánh giá chất lượng hiện trạng để lập quy trình bảo trì (đối với công trình chưa có quy trình bảo trì), hoặc để quyết định việc sửa chữa, gia cố, cải tạo, nâng cấp hoặc kéo dài tuổi thọ công trình;

d) Khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

3. Lập và phê duyệt danh mục, kế hoạch quan trắc và kiểm định

a) Hằng năm, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm rà soát tình trạng kỹ thuật công trình, lập danh mục các hạng mục công trình cần quan trắc, kiểm định trong năm kế hoạch;

b) Danh mục và dự toán kinh phí thực hiện được tổng hợp vào Kế hoạch bảo trì hằng năm, gửi Sở Xây dựng thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện.

4. Tổ chức thực hiện

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định pháp luật để thực hiện quan trắc và kiểm định chất lượng công trình;

b) Kết quả quan trắc, kiểm định phải được lập thành báo cáo đánh giá mức độ ảnh hưởng, xác định nguyên nhân và đề xuất giải pháp xử lý (nếu có).

Điều 8. Xử lý đối với công trình đường sắt có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn khai thác, sử dụng

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt

Trong quá trình thực hiện bảo trì công trình đường sắt, doanh nghiệp quản lý tài

sản đường sắt phải kịp thời phát hiện công trình, bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình đường sắt hư hỏng, xuống cấp về chất lượng, không bảo đảm an toàn khai thác, sử dụng để xử lý theo quy định.

2. Khi phát hiện hoặc nhận được thông tin về công trình, bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình đường sắt hư hỏng, xuống cấp về chất lượng, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác, sử dụng, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm:

a) Thực hiện ngay các biện pháp khẩn cấp (như hạn chế tốc độ, tạm ngừng khai thác, phong tỏa khu vực, lắp đặt biển báo, rào chắn và các biện pháp cần thiết khác) để bảo đảm an toàn cho người, phương tiện và công trình;

b) Kiểm tra, đánh giá sơ bộ mức độ nguy hiểm và xác định nguyên nhân ban đầu;

c) Tổ chức theo dõi, quan trắc diễn biến hư hỏng (khi cần thiết);

d) Tổ chức kiểm định chất lượng công trình (nếu cần thiết);

đ) Báo cáo ngay bằng phương thức nhanh nhất (điện thoại), sau đó gửi báo cáo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng và Chủ đầu tư. Báo cáo phải nêu rõ hiện trạng, biện pháp khẩn cấp đã thực hiện và đề xuất, kiến nghị phương án xử lý tiếp theo. Báo cáo của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập theo mẫu tại Phụ lục II của Quy định này.

e) Lập phương án sửa chữa, khắc phục hư hỏng, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Quy định này.

3. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

a) Tiếp nhận, xem xét báo cáo của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt; kịp thời tổ chức kiểm tra hiện trường;

b) Quyết định, yêu cầu Chủ đầu tư và doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt triển khai các giải pháp kỹ thuật cần thiết (tổ chức kiểm định chất lượng công trình, quan trắc công trình, lập phương án sửa chữa khắc phục);

c) Kiểm tra, đôn đốc việc triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn và khắc phục hư hỏng; báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả thực hiện.

4. Trách nhiệm của Chủ đầu tư trong thời hạn bảo hành công trình

Khi nhận được báo cáo của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt, trên cơ sở

quyết định của Sở Xây dựng, Chủ đầu tư có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các nhà thầu liên quan kiểm tra hiện trường, xác định nguyên nhân hư hỏng;

b) Phối hợp nhà thầu thực hiện các yêu cầu của Sở Xây dựng, tiến hành sửa chữa, khắc phục theo trách nhiệm bảo hành công trình theo quy định của hợp đồng;

c) Trường hợp hư hỏng không thuộc phạm vi bảo hành, Chủ đầu tư thông báo cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt và Sở Xây dựng để xử lý.

5. Trên cơ sở quyết định của Sở Xây dựng, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức thực hiện: kiểm định chất lượng công trình, quan trắc công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; sửa chữa đột xuất công trình thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Quy định này.

6. Kết quả thực hiện kiểm định chất lượng, quan trắc, sửa chữa đột xuất công trình được cập nhật, bổ sung vào kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt.

Điều 9. Đánh giá an toàn công trình đường sắt trong quá trình khai thác, sử dụng

1. Các công trình, hạng mục công trình xây dựng thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt có ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng phải được tổ chức đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành trong quá trình khai thác, sử dụng định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật về đường sắt.

2. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm rà soát hồ sơ, trạng thái kỹ thuật công trình để lập danh mục các công trình, hạng mục công trình thuộc diện phải đánh giá an toàn; gửi Sở Xây dựng để rà soát, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố công bố danh mục công trình phải đánh giá an toàn trên địa bàn Thành phố; Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức thực hiện theo danh mục được công bố.

4. Tổ chức thực hiện đánh giá

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm lựa chọn tổ chức kiểm định có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật để thực hiện đánh giá an toàn công trình định kỳ theo tần suất quy định hoặc đột xuất khi

cần thiết;

b) Thời điểm và tần suất đánh giá an toàn được xác định theo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và quy trình bảo trì được phê duyệt;

c) Kết quả đánh giá an toàn phải được gửi về Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Xây dựng) để xem xét, cho ý kiến theo quy định.

5. Trình tự, nội dung đánh giá an toàn công trình đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

6. Trường hợp kết quả đánh giá kết luận công trình không bảo đảm an toàn, Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt phải kịp thời áp dụng các biện pháp khẩn cấp (hạn chế tải trọng, hạn chế tốc độ tàu, phong tỏa khu vực hoặc tạm dừng khai thác), đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng và chủ đầu tư để triển khai xử lý, thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

Điều 10. Áp dụng tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác bảo trì công trình đường sắt

1. Công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt áp dụng theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành và quy trình bảo trì được phê duyệt.

2. Đối với các công việc bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt chưa có định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành, Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức xây dựng định mức, trình Sở Xây dựng để phối hợp với các Sở, ngành liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành áp dụng.

3. Đối với các công việc chưa có tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì xác định theo đơn giá xây dựng công trình do Ủy ban nhân dân Thành phố công bố hoặc xác định trên cơ sở giá thị trường hoặc theo giá tương tự ở các công trình đã thực hiện.

Điều 11. Lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt

1. Lập kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt

a) Định kỳ hằng năm, căn cứ vào tình trạng kỹ thuật của công trình đường sắt, nhu cầu vận tải trên từng tuyến đường sắt đang khai thác, quy trình bảo trì, định mức

kinh tế - kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt nhằm bảo đảm an toàn công trình trong quá trình khai thác;

b) Kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt xây dựng đầy đủ các thông tin gồm: tên nhiệm vụ, công trình, hạng mục công trình; đơn vị tính, khối lượng, dự kiến kinh phí thực hiện; thời gian thực hiện; phương thức thực hiện và mức độ ưu tiên đối với các công trình sửa chữa định kỳ;

c) Nội dung kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt bao gồm: bảo dưỡng công trình đường sắt; sửa chữa công trình đường sắt; công tác khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố đã thực hiện; kiểm định, quan trắc và công tác khác (nếu có); quản lý, giám sát thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt; các nhiệm vụ xử lý khẩn cấp sự cố công trình; khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố công trình;

d) Thành phần hồ sơ trình kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt gồm:

Thuyết minh kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt, trong đó nêu tình trạng kỹ thuật của công trình đường sắt, nhu cầu vận tải trên từng tuyến đường sắt đang khai thác, quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và phương án phân bổ chi phí; kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt được lập theo mẫu tại Phụ lục III của Quy định này; bảng tổng hợp khối lượng bảo dưỡng công trình đường sắt được lập theo mẫu tại Phụ lục IV của này; hồ sơ trạng thái kỹ thuật công trình đường sắt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Quy định này. Trường hợp trạng thái công trình đường sắt đã đủ thông tin trong cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng đường sắt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt xác nhận nội dung này trong văn bản đề nghị làm cơ sở sử dụng thay cho hồ sơ giấy;

đ) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức lập kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì công trình đường sắt của năm kế hoạch trình Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời gửi Sở Xây dựng để thẩm định. Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tiếp thu ý kiến thẩm định và hoàn thiện trình Ủy ban nhân dân Thành phố để xem xét, phê duyệt kế hoạch nhu cầu công tác bảo trì.

2. Lập và phân bổ dự toán chi phí bảo trì

a) Căn cứ kế hoạch nhu cầu công tác quản lý, bảo trì được lập tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm lập dự toán chi đối với công tác quản lý, bảo trì công trình đường sắt, gửi Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp,

báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố bố trí dự toán ngân sách nhà nước theo quy định;

b) Thời gian lập, gửi dự toán và phân bổ dự toán ngân sách thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 15/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, các quy định pháp luật có liên quan và hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Sở Tài chính.

3. Phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt

a) Căn cứ Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của Ủy ban nhân dân Thành phố, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm rà soát, cập nhật kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt năm kế hoạch bảo đảm phù hợp với nguồn kinh phí được bố trí; lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt và gửi Sở Xây dựng để thẩm định;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng thực hiện thẩm định sự phù hợp của kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt với quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật và nguồn vốn được giao. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, nội dung kế hoạch phù hợp với quy định của pháp luật, Sở Xây dựng tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

c) Trường hợp hồ sơ hoặc nội dung kế hoạch chưa đầy đủ, cần bổ sung, điều chỉnh, Sở Xây dựng có văn bản gửi doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, điều chỉnh. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đã được hoàn thiện, Sở Xây dựng kiểm tra, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt;

d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Sở Xây dựng trình, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt;

đ) Hồ sơ trình phê duyệt kế hoạch bao gồm các tài liệu quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều này; Tờ trình phê duyệt kế hoạch theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Quy định này; Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng; Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trong trường hợp hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện theo yêu cầu của Sở Xây dựng.

4. Điều chỉnh kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt

a) Kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt được điều chỉnh trong quá trình thực hiện khi có thay đổi về quy mô, khối lượng, hạng mục công việc hoặc do yêu cầu đột xuất, cấp bách để đảm bảo an toàn công trình, an toàn chạy tàu nhưng phải đảm bảo không vượt quá tổng dự toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao;

b) Hồ sơ, trình tự và thời hạn giải quyết thủ tục điều chỉnh kế hoạch thực hiện tương tự quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với trường hợp điều chỉnh dẫn đến phải điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước, việc thực hiện điều chỉnh tuân thủ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 12. Thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt

1. Căn cứ kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt được duyệt và dự toán chi ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân Thành phố giao, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo an toàn, chất lượng và hiệu quả.

2. Thực hiện công tác bảo dưỡng công trình đường sắt

a) Việc cung cấp hàng hoá, dịch vụ là sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công phục vụ quản lý, bảo trì công trình đường sắt sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo các phương thức phù hợp với quy định của pháp luật về cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, pháp luật về đấu thầu, pháp luật về giá, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan;

b) Đối với các hạng mục công việc mà doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đáp ứng đầy đủ yêu cầu về năng lực chuyên môn, nhân lực và điều kiện kỹ thuật, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức thực hiện theo phương thức tự thực hiện, chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ và hiệu quả thực hiện theo quy định của pháp luật;

c) Đối với các hạng mục công việc mà doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt không đáp ứng yêu cầu về năng lực chuyên môn, nhân lực hoặc điều kiện kỹ thuật, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thực hiện việc đấu thầu hoặc đặt hàng đối với các tổ chức, doanh nghiệp khác có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm giám sát, nghiệm thu các hạng mục công việc này theo quy định.

3. Thực hiện công tác sửa chữa công trình

a) Đối với công trình sửa chữa có chi phí từ 500 triệu đồng trở lên, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc dự án đầu tư xây dựng trình Sở Xây dựng thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt hoặc phê duyệt theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Đối với sửa chữa công trình có chi phí dưới 500 triệu đồng: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức lập, phê duyệt phương án kỹ thuật, dự toán và triển khai thực hiện; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ đã phê duyệt.

4. Thực hiện sửa chữa, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố đối với công trình đường sắt

Công trình khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này. Sau khi khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt cập nhật, bổ sung kết quả thực hiện vào kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt và trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt điều chỉnh kế hoạch theo quy định.

5. Đối với công tác khác, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức lập đề cương, dự toán chi phí để thực hiện nhiệm vụ trình Sở Xây dựng thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt hoặc phê duyệt theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 13. Quản lý chất lượng công tác bảo trì công trình đường sắt

1. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thực hiện quản lý chất lượng bảo trì công trình đường sắt theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Quản lý vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công tác bảo trì công trình đường sắt

a) Đối với bảo dưỡng công trình đường sắt: vật tư, thiết bị chủ yếu phải thực hiện thí nghiệm kiểm tra hoặc yêu cầu nhà cung cấp xuất trình đầy đủ chứng nhận về chất lượng, nguồn gốc xuất xứ trước khi sử dụng. Danh mục, chủng loại, yêu cầu kỹ thuật của từng loại vật tư, thiết bị được xác định cụ thể trong hợp đồng đặt hàng bảo dưỡng;

b) Đối với sửa chữa công trình: việc quản lý vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình thực hiện theo quy định về quản lý chất lượng, thi công xây

dựng và bảo trì công trình xây dựng.

3. Nghiệm thu bảo trì công trình đường sắt

a) Đối với công tác bảo dưỡng công trình đường sắt:

Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức thực hiện theo phương thức tự thực hiện đối với các hạng mục công việc bảo dưỡng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 của Quy định này, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu khối lượng, chất lượng công việc hoàn thành được thực hiện theo quy định của pháp luật, trên cơ sở quy trình bảo trì, tiêu chí giám sát, nghiệm thu và các quy định có liên quan;

Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức thực hiện thông qua phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng đối với các tổ chức, doanh nghiệp khác theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 của Quy định này, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu khối lượng, chất lượng công việc hoàn thành theo quy trình bảo trì, tiêu chí giám sát, nghiệm thu và hợp đồng đã ký kết;

b) Đối với công tác sửa chữa công trình đường sắt; khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố đối với công trình đường sắt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng theo quy định Chính phủ về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

c) Đối với công tác khác theo kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt được phê duyệt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm tổ chức xây dựng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng bảo dưỡng công trình. Hệ thống quản lý chất lượng bảo dưỡng công trình đường sắt phải bảo đảm tuân thủ theo quy trình bảo trì được duyệt.

Điều 14. Báo cáo định kỳ trong quá trình quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt

1. Tên báo cáo: Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện công tác quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt.

2. Nội dung báo cáo phải thể hiện đầy đủ các nội dung sau: nhiệm vụ thực hiện;

khối lượng, kinh phí được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt hoặc điều chỉnh trong kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt; chất lượng thực hiện, kết quả nghiệm thu, thanh toán; đề xuất, kiến nghị (nếu có).

3. Đối tượng thực hiện báo cáo: doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt.

4. Cơ quan nhận báo cáo: Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng.

5. Phương thức gửi, nhận báo cáo: bằng bản điện tử gửi qua trực liên thông hệ thống quản lý văn bản.

6. Thời hạn gửi báo cáo: ngày 15 tháng 7 hằng năm đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm; trước ngày 15 tháng 01 của tháng tiếp theo đối với báo cáo năm.

7. Tần suất thực hiện báo cáo: 02 lần trong năm.

8. Thời gian chốt số liệu báo cáo: từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm; từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 đối với báo cáo năm.

9. Biểu mẫu báo cáo theo mẫu tại Phụ lục VI của Quy định này.

Điều 15. Nguồn kinh phí, nội dung chi phí quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt

1. Kinh phí dành cho công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng công trình đường sắt địa phương do nhà nước đầu tư được hình thành từ các nguồn sau:

a) Ngân sách nhà nước;

b) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung các khoản mục chi phí liên quan đến thực hiện quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt bao gồm:

a) Chi phí lập, thẩm tra quy trình bảo trì và định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ công tác bảo trì công trình đường sắt;

b) Chi phí kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, đánh giá an toàn, sửa chữa công trình đường sắt, bảo dưỡng công trình đường sắt và quản lý, giám sát công tác bảo dưỡng công trình đường sắt;

c) Chi phí lập, cập nhật hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt; chi phí cập nhật cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng đường sắt;

d) Các chi phí cần thiết khác để thực hiện quá trình bảo trì công trình đường sắt

theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

3. Việc xác định chi phí thực hiện quản lý, bảo trì công trình đường sắt được thực hiện như sau:

a) Đối với sửa chữa công trình đường sắt, chi phí thực hiện được xác định theo từng công trình, dự án theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

b) Đối với bảo dưỡng công trình đường sắt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức lập phương án giá dịch vụ sự nghiệp công, dự toán chi phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Đối với các công việc còn lại, chi phí thực hiện được xác định bằng dự toán trên cơ sở nội dung và khối lượng công việc thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quản lý, thanh toán và quyết toán chi phí quản lý, bảo trì thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Xây dựng, các quy định tại Quy định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

5. Đối với công trình đường sắt địa phương do doanh nghiệp đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, doanh nghiệp có trách nhiệm tự bảo đảm kinh phí để quản lý, bảo trì, bảo vệ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do mình đầu tư, công trình hạ tầng kỹ thuật đấu nối với công trình đường sắt và các hạng mục công trình đường sắt sử dụng chung với đường bộ khi được giao quản lý theo quy định tại Điều 43 Luật Đường sắt năm 2025.

Chương III

QUẢN LÝ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT ĐỊA PHƯƠNG ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN NGOÀI NHÀ NƯỚC

Điều 16. Nội dung, hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, bảo trì công trình đường sắt

1. Nội dung quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt gồm:

a) Lập, phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt;

- b) Thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt và quản lý chất lượng dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt;
- c) Phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố đối với kết cấu hạ tầng đường sắt;
- d) Bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định;
- đ) Quản lý, theo dõi và tổ chức xử lý các vị trí công trình xung yếu, có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn trong quá trình sử dụng;
- e) Tổ chức lập hồ sơ, cập nhật cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng đường sắt;
- g) Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

2. Nội dung bảo trì công trình đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

3. Hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy định này; hồ sơ bảo trì công trình đường sắt được lập theo quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

Điều 17. Đánh giá an toàn công trình, quan trắc, kiểm định chất lượng công trình đường sắt trong quá trình khai thác, sử dụng

1. Chủ sở hữu công trình đường sắt có trách nhiệm tổ chức thực hiện

a) Đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành trong quá trình khai thác, sử dụng định kỳ hoặc đột xuất đối với công trình đường sắt thuộc danh mục công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

b) Quan trắc công trình, kiểm định chất lượng công trình trong quá trình khai thác, sử dụng trong các trường hợp theo quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Chủ sở hữu công trình đường sắt lập, công bố danh mục công trình đường sắt thuộc đối tượng phải quan trắc, kiểm định chất lượng, đánh giá an toàn công trình theo quy định pháp luật gửi Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng để quản lý, theo dõi.

Điều 18. Xử lý đối với công trình đường sắt có dấu hiệu nguy hiểm, không

bảo đảm an toàn khai thác, sử dụng

1. Trong quá trình khai thác sử dụng, chủ sở hữu công trình đường sắt phải kịp thời phát hiện công trình, bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình đường sắt hư hỏng, xuống cấp về chất lượng, không bảo đảm an toàn khai thác, sử dụng để xử lý theo quy định.

2. Khi phát hiện hoặc nhận được thông tin về công trình, bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình đường sắt hư hỏng, xuống cấp về chất lượng, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác, sử dụng, chủ sở hữu công trình đường sắt có trách nhiệm:

a) Quyết định biện pháp khẩn cấp và tổ chức xử lý để bảo đảm an toàn chạy tàu;

b) Triển khai thực hiện kiểm định chất lượng công trình, quan trắc công trình, sửa chữa đột xuất công trình và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng kết quả thực hiện.

Điều 19. Áp dụng tiêu chuẩn trong bảo trì và kế hoạch bảo trì công trình đường sắt

1. Chủ sở hữu công trình đường sắt lập, phê duyệt danh mục tiêu chuẩn áp dụng cho công tác bảo trì công trình đường sắt bảo đảm phù hợp với danh mục tiêu chuẩn áp dụng cho dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

2. Chủ sở hữu công trình đường sắt tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường sắt theo từng năm và gửi Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt để quản lý, theo dõi.

Điều 20. Thực hiện bảo trì công trình đường sắt

1. Chủ sở hữu công trình đường sắt tổ chức thực hiện bảo trì, quản lý, giám sát chất lượng bảo trì công trình đường sắt do mình đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, pháp luật về đường sắt; bảo đảm an toàn cho người, công trình; bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt; phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

2. Chủ sở hữu công trình đường sắt có trách nhiệm tổ chức lập, ban hành và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng bảo trì công trình đường sắt. Hệ thống này phải bảo đảm đầy đủ sơ đồ tổ chức phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng đơn vị, bộ phận, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau đây:

- a) Trình tự xây dựng, kiểm soát kế hoạch bảo trì công trình và các bộ phận tham gia trong việc kiểm soát quá trình thực hiện;
- b) Yêu cầu đối với chất lượng bảo trì công trình đường sắt;
- c) Nội dung và trình tự kiểm soát chất lượng vật tư, vật liệu trước khi đưa vào bảo trì công trình;
- d) Kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện bảo trì công trình;
- đ) Nội dung và trình tự đánh giá kết quả, nghiệm thu bảo trì công trình;
- e) Nội dung và trình tự thực hiện khắc phục, sửa chữa những hạng mục bảo trì công trình công trình không đạt yêu cầu khi nghiệm thu.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.
2. Kiểm tra trách nhiệm, nghĩa vụ của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt, chủ sở hữu công trình đường sắt trong việc quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt theo quy định của Quy định này.
3. Thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các công trình sửa chữa đường sắt thuộc kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt.
4. Chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự Thành phố tổ chức kiểm tra trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố đối với kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.
5. Phối hợp với doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt cập nhật kế hoạch phòng, chống thiên tai theo quy định.
6. Tổng hợp kế hoạch phòng, chống thiên tai 05 năm và điều chỉnh, cập nhật hằng năm do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt xây dựng để báo cáo Ủy ban

nhân dân Thành phố.

7. Tiếp nhận và triển khai chỉ đạo của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự Thành phố đến các doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt và các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định.

8. Kiểm tra trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ đầu tư dự án trong việc đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống đối với tuyến đường sắt địa phương.

9. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định tại Quy định này.

Điều 22. Trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt

1. Tổ chức thực hiện quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt theo quy định.

2. Thực hiện giám sát công tác bảo trì công trình đường sắt, chịu trách nhiệm toàn diện về khối lượng và chất lượng bảo trì công trình đường sắt, bảo đảm hoạt động giao thông đường sắt thông suốt, trật tự, an toàn, chính xác theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức kiểm tra công trình đường sắt, theo dõi định kỳ chất lượng công trình đường sắt trong quá trình khai thác, sử dụng; thực hiện sửa chữa những hư hỏng nhỏ để duy trì trạng thái kỹ thuật ổn định của công trình đường sắt, bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông đường sắt.

4. Tổ chức cập nhật trạng thái công trình và lịch sử bảo trì công trình vào cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng đường sắt.

5. Chịu trách nhiệm về sự cố hoặc xuống cấp của công trình do không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nội dung quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt theo quy định.

6. Tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố và cứu nạn trong hoạt động đường sắt thuộc trách nhiệm, nghĩa vụ của doanh nghiệp.

7. Chủ trì, phối hợp với ủy ban nhân dân cấp xã có đường sắt đi qua và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai theo quy định.

8. Tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai, cấp độ rủi ro thiên tai, diễn biến thiên tai để chủ động tổ chức ứng phó thiên tai, sự cố bảo đảm an toàn kết cấu hạ

tầng đường sắt, giao thông vận tải đường sắt theo quy định.

9. Chịu sự chỉ đạo, chỉ huy của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự Thành phố.

10. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan tổ chức thực hiện ứng phó khi có sự cố thiên tai xảy ra, khắc phục hậu quả sự cố thiên tai theo quy định này.

11. Thực hiện chế độ báo cáo cấp có thẩm quyền về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; ứng phó sự cố và cứu nạn theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền theo quy định.

12. Thành lập bộ phận thường trực chỉ huy phòng, chống thiên tai, sự cố để thực hiện trách nhiệm của mình.

13. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định tại Quy định này.

Điều 23. Trách nhiệm của chủ sở hữu công trình đường sắt

1. Tổ chức thực hiện quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt do mình đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, pháp luật về đường sắt.

2. Chịu trách nhiệm chất lượng công trình đường sắt, bảo đảm hoạt động giao thông đường sắt thông suốt, trật tự, an toàn, chính xác theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm về sự cố hoặc xuống cấp của công trình do không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nội dung quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt theo quy định.

3. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt do mình đầu tư.

4. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định tại Quy định này.

Điều 24. Trách nhiệm của chủ đầu tư công trình đường sắt địa phương do Nhà nước đầu tư

1. Lựa chọn Tổ chức chứng nhận có đủ điều kiện năng lực thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống.

2. Phê duyệt Đề cương đánh giá, chứng nhận của Tổ chức chứng nhận lập.

3. Báo cáo Sở Xây dựng về kết quả đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống.

4. Lưu giữ đầy đủ hồ sơ đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống theo quy định và

bàn giao đầy đủ cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt.

5. Bàn giao đầy đủ hồ sơ dự án, hồ sơ hoàn thành công trình cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đường sắt và các quy định có liên quan.

6. Tổ chức lập quy trình bảo trì công trình đường sắt theo quy định của pháp luật về xây dựng, bảo đảm phù hợp với thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho dự án và điều kiện khai thác, sử dụng công trình. Quy trình bảo trì công trình đường sắt phải được Chủ đầu tư phê duyệt trước khi công trình, hạng mục công trình được đưa vào khai thác, sử dụng; đồng thời được bàn giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt làm cơ sở tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình.

7. Quản lý, theo dõi và kiểm soát việc thực hiện nghĩa vụ bảo hành của các nhà thầu theo hợp đồng xây dựng đã ký kết. Khi nhận được thông tin, báo cáo của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt hoặc cơ quan có thẩm quyền về hư hỏng, khiếm khuyết công trình thuộc phạm vi bảo hành, Chủ đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các nhà thầu liên quan kiểm tra hiện trường, xác định nguyên nhân và yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo hành theo đúng quy định.

8. Sau khi công trình, hạng mục công trình được nghiệm thu hoàn thành và đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng, Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

9. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định tại Quy định này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc việc triển khai thực hiện Quy định này; kịp thời tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Các sở, ban, ngành Thành phố; doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt; chủ đầu tư; chủ sở hữu công trình đường sắt và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh vấn đề chưa được quy định hoặc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu thực tiễn, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định này có văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc được cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản mới để quy định nội dung tương ứng thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc văn bản được ban hành mới đó./.

Phụ lục I
BẢNG TỔNG HỢP TRẠNG THÁI KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

I. Đường chính tuyến

1. Tuyến đường sắt:
2. Khổ đường:
3. Lý trình đầu:.....; lý trình cuối:.....; chiều dài
4. Tổng chiều dài cầu:
5. Tổng chiều dài hầm:
6. Số lượng ghi trên chính tuyến: ...bộ; tổng chiều dài.....
7. Khối lượng đường chính:
 - Loại ray..., loại tà vẹt... khối lượng ...
 - Loại ray..., loại tà vẹt... khối lượng ...
 -
8. Trạng thái kỹ thuật đường chính tuyến được lập cho từng khu gian theo bảng sau:

TT	Lý trình đầu	Lý trình cuối	Chiều dài	Loại nền đường	Chiều dày nền đá	Loại ray	Loại tà vẹt	Loại phụ kiện	Năm sửa chữa, nội dung sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái công trình (*)

Ghi chú: Cột "Trạng thái công trình" ghi theo hướng dẫn của Quy trình bảo trì, trường hợp chưa đủ điều kiện để đánh giá theo hướng dẫn của quy trình bảo trì, ghi theo nội dung đánh giá trực quan về chất lượng công trình với các mức 1, 2, 3 như sau:

- **Mức 1:** Công trình không có dấu hiệu hư hỏng, bảo đảm điều kiện khai thác bình thường.
- **Mức 2:** Công trình có dấu hiệu hư hỏng nhỏ nhưng vẫn bảo đảm điều kiện khai thác, cần phải sửa chữa nhỏ lẻ trong quá trình bảo dưỡng, về lâu dài cần lập kế hoạch sửa chữa định kỳ.
- **Mức 3:** Công trình hư hỏng cần phải áp dụng biện pháp khẩn cấp và tổ chức xử lý để bảo đảm an toàn chạy tàu.

II. Đường ga

1. Tuyến đường sắt:

2. Khổ đường:.....

3. Khối lượng đường ga:

- Loại ray..., loại tà vẹt... khối lượng ...

- Loại ray..., loại tà vẹt... khối lượng ...

....

4. Trạng thái kỹ thuật đường ga được lập cho từng ga theo bảng sau:

4.1. Ga:

TT	Tên đường ga	Chiều dài toàn bộ	Chiều dài đặt ray	Chiều dài sử dụng	Loại ray	Loại tà vẹt	Loại phụ kiện	Năm sửa chữa, nội dung sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái công trình (*)

4.2. Ga...

...

Ghi chú: Cột "Trạng thái công trình" ghi theo hướng dẫn của Quy trình bảo trì, trường hợp chưa đủ điều kiện để đánh giá theo hướng dẫn của quy trình bảo trì, ghi theo nội dung đánh giá trực quan về chất lượng công trình với các mức 1, 2, 3 như sau:

- Mức 1: Công trình không có dấu hiệu hư hỏng, bảo đảm điều kiện khai thác bình thường.

- Mức 2: Công trình có dấu hiệu hư hỏng nhỏ nhưng vẫn bảo đảm điều kiện khai thác, cần phải sửa chữa nhỏ lẻ trong quá trình bảo dưỡng, về lâu dài cần lập kế hoạch sửa chữa định kỳ.

- Mức 3: Công trình hư hỏng cần phải áp dụng biện pháp khẩn cấp và tổ chức xử lý để bảo đảm an toàn chạy tàu.

III. Ghi

1. Tuyến (đoạn tuyến) đường sắt:.....

2. Khổ đường:

3. Khối lượng ghi:

- Loại ghi... số lượng ...

- Loại ghi... số lượng ...

Ghi chú: Cột "Trạng thái công trình" ghi theo hướng dẫn của Quy trình bảo trì, trường hợp chưa đủ điều kiện để đánh giá theo hướng dẫn của quy trình bảo trì, ghi theo nội dung đánh giá trực quan về chất lượng công trình với các mức 1, 2, 3 như sau:

- Mức 1: Công trình không có dấu hiệu hư hỏng, bảo đảm điều kiện khai thác bình thường.
- Mức 2: Công trình có dấu hiệu hư hỏng nhỏ nhưng vẫn bảo đảm điều kiện khai thác, cần phải sửa chữa nhỏ lẻ trong quá trình bảo dưỡng, về lâu dài cần lập kế hoạch sửa chữa định kỳ.
- Mức 3: Công trình hư hỏng cần phải áp dụng biện pháp khẩn cấp và tổ chức xử lý để bảo đảm an toàn chạy tàu.

V. Hầm

1. Tuyến đường sắt:

2. Khổ đường:

3. Khối lượng hầm:

- Loại hầm... khối lượng ...

- Loại hầm... khối lượng ...

....

4. Trạng thái kỹ thuật của hầm được lập cho từng tuyến đường sắt theo bảng sau:

TT	Tên hầm, lý trình	Chiều dài	Bán kính cong	Độ dốc	Hướng rẽ	Vật liệu		Năm xây dựng	Năm sửa chữa, nội dung sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái công trình (*)
						Tường	Vòm				

Ghi chú: Cột "Trạng thái công trình" ghi theo hướng dẫn của Quy trình bảo trì, trường hợp chưa đủ điều kiện để đánh giá theo hướng dẫn của quy trình bảo trì, ghi theo nội dung đánh giá trực quan về chất lượng công trình với các mức 1, 2, 3 như sau:

- Mức 1: Công trình không có dấu hiệu hư hỏng, bảo đảm điều kiện khai thác bình thường.
- Mức 2: Công trình có dấu hiệu hư hỏng nhỏ nhưng vẫn bảo đảm điều kiện khai thác, cần phải sửa chữa nhỏ lẻ trong quá trình bảo dưỡng, về lâu dài cần lập kế hoạch sửa chữa định kỳ.
- Mức 3: Công trình hư hỏng cần phải áp dụng biện pháp khẩn cấp và tổ chức xử lý để bảo đảm an toàn chạy tàu.

VI. Công trình kiến trúc

1. Trạng thái kỹ thuật công trình nhà ga, kho ga và các công trình phụ trợ được lập cho từng ga theo bảng sau:

1.1. Tuyến đường sắt: ...

1.1.1. Ga: ...

TT	Loại công trình	Cấp công trình	Diện tích	Kết cấu	Năm xây dựng	Năm sửa chữa, nội dung sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái công trình (*)
1	Nhà ga (gồm Phòng chỉ huy chạy tàu; phòng đặt máy thông tin tín hiệu; phòng đợi tàu; các phòng chức năng khác).							
2	Đề-pô							
3	Nhà đặt thiết bị TTTH (nếu có)							
4	Nhà gác ghi							
5	Nhà cung cầu (nếu có)							
6	Nhà cung đường (nếu có)							
7	Nhà cung TTTH (nếu có)							
8	Nhà đặt máy bơm, máy nổ							
9	Bể nước (bao gồm cả bể nước phục vụ PCCC)							
10	Nhà để xe							
11	Tường rào, hệ thống cấp, thoát nước và các công trình phụ trợ khác.							
...	...							

1.1.2. Ga: ...

...

2. Trạng thái kỹ thuật công trình ke ga, sân ga, quảng trường ga, đường bộ trong ga được lập cho từng ga theo bảng sau:

2.1. Tuyến đường sắt: ...

2.1.1. Ga: ...

TT	Loại công trình	Diện tích	Kết cấu	Năm xây dựng	Năm sửa chữa, nội dung sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái công trình (*)
1	Ke ga						
1.1	Ke không có mái che						
1.2	Ke có mái che						
1.3	Giao ke						
...	...						
2	Sân ga						
2.1	...						
...	...						
3	Quảng trường ga						
3.1	...						
...	...						
4	Đường bộ vào ga						
4.1	...						
...	...						

2.1.2. Ga: ...

...

2.2. Tuyến đường sắt: ...

2.2.1. Ga: ...

Ghi chú: Cột "Trạng thái công trình" ghi theo hướng dẫn của Quy trình bảo trì, trường hợp chưa đủ điều kiện để đánh giá theo hướng dẫn của quy trình bảo trì, ghi theo nội dung đánh giá trực quan về chất lượng công trình với các mức 1, 2, 3 như sau:

- Mức 1: Công trình không có dấu hiệu hư hỏng, bảo đảm điều kiện khai thác bình thường.

- Mức 2: Công trình có dấu hiệu hư hỏng nhỏ nhưng vẫn bảo đảm điều kiện khai thác, cần phải sửa chữa nhỏ lẻ trong quá trình bảo dưỡng, về lâu dài cần lập kế hoạch sửa chữa định kỳ.

5.1.2. Đường ngang Km...

...

5.2. Tuyến đường sắt: ...

5.2.1. Đường ngang Km...

...

Ghi chú: Cột "Trạng thái công trình" ghi theo hướng dẫn của Quy trình bảo trì, trường hợp chưa đủ điều kiện để đánh giá theo hướng dẫn của quy trình bảo trì, ghi theo nội dung đánh giá trực quan về chất lượng công trình với các mức 1, 2, 3 như sau:

- Mức 1: Công trình không có dấu hiệu hư hỏng, bảo đảm điều kiện khai thác bình thường.
- Mức 2: Công trình có dấu hiệu hư hỏng nhỏ nhưng vẫn bảo đảm điều kiện khai thác, cần phải sửa chữa nhỏ lẻ trong quá trình bảo dưỡng, về lâu dài cần lập kế hoạch sửa chữa định kỳ.
- Mức 3: Công trình hư hỏng cần phải áp dụng biện pháp khẩn cấp và tổ chức xử lý để bảo đảm an toàn chạy tàu.

Phụ lục II
MẪU BÁO CÁO XỬ LÝ ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT
CÓ DẤU HIỆU NGUY HIỂM, KHÔNG BẢO ĐẢM AN TOÀN
CHO KHAI THÁC, SỬ DỤNG

(TÊN ĐƠN VỊ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-...

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

V/v ...

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Sở Xây dựng;
- Chủ đầu tư ... (nếu có).

Thực hiện quy định về bảo trì công trình đường sắt, ... (1)... báo cáo xử lý đối với công trình đường sắt có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng như sau:

1. Tình hình khai thác, sử dụng công trình:

...(2)...

2. Mô tả dấu hiệu nguy hiểm công trình:

...(3)...

3. Biện pháp xử lý đang thực hiện:

...(4)...

4. Đề xuất, kiến nghị:

...(5)...

Nơi nhận:

- ...

- ...

- Lưu: ...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của
cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn ghi báo cáo

- (1) Ghi tên doanh nghiệp báo cáo.*
- (2) Ghi tên công trình, hạng mục công trình, địa điểm và tình hình khai thác sử dụng công trình trong thời gian gần đây.*
- (3) Mô tả mức độ hư hỏng, dấu hiệu nguy hiểm công trình kèm theo ảnh chụp hiện trạng, kết quả theo dõi, kiểm tra (nếu có).*
- (4) Nêu rõ các biện pháp xử lý đang được áp dụng để bảo đảm khai thác chạy tàu an toàn.*
- (5) Đề xuất biện pháp xử lý, dự kiến phạm vi, quy mô sửa chữa công trình (nếu cần thiết).*

Phụ lục III
KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

I. BIỂU 01: Bảng tổng hợp kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt

TT	Nhiệm vụ	Kinh phí (nghìn đồng)
	TỔNG SỐ (I+II+III+IV)	
I	Bảo dưỡng, quản lý, giám sát công tác bảo dưỡng công trình đường sắt	
1	Sản phẩm...	
1.1	Tuyến đường sắt... từ Km... đến Km...	
1.2	Tuyến đường sắt... từ Km... đến Km...	
...	...	
2	Sản phẩm...	
2.1	Tuyến đường sắt... từ Km... đến Km...	
2.2	Tuyến đường sắt... từ Km... đến Km...	
...	...	
n	Quản lý, giám sát công tác bảo dưỡng công trình đường sắt	
II	Sửa chữa công trình đường sắt	
1	Sửa chữa định kỳ	
1.1	Công trình < 500 triệu đồng	
1.2	Công trình ≥ 500 triệu đồng	
2	Sửa chữa đột xuất	
III	Kiểm định, quan trắc và công tác khác	
1	Kiểm định	
2	Quan trắc	
...	Công tác ...	

IV	Các nhiệm vụ xử lý khẩn cấp sự cố công trình; khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố	
1	Nhiệm vụ xử lý khẩn cấp sự cố công trình	
2	Khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố	

II. Biểu 02: Bảng chi tiết bảo dưỡng công trình đường sắt

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
1	Sản phẩm thứ 1					
1.1	<i>Tuyến đường sắt (từ Km... đến Km...)</i>					
	- Đường chính tuyến	km				
	- Đường ga	km				
	- Ghi	bộ				
					
1.2	<i>Tuyến đường sắt (từ Km... đến Km...)</i>					
	- Đường chính tuyến	km				
	- Đường ga	km				
	- Ghi	bộ				
					
...	...					

III. Biểu 03: Danh mục sửa chữa công trình đường sắt

TT	Tên công trình	Kinh phí	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
1	Tuyến đường sắt...
1.1	Công trình...
...
2	Tuyến đường sắt...
2.1	Công trình...
...

IV. Biểu 04: Danh mục quan trắc và công tác khác

TT	Tên nhiệm vụ	Kinh phí	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
1	Kiểm định
1.1	Nhiệm vụ...
...
2	Quan trắc
2.1	Nhiệm vụ...
...
3	Công tác
3.1	Nhiệm vụ...
...

V. Biểu 05: Danh mục công trình xử lý khẩn cấp sự cố; khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố

TT	Tên công trình	Kinh phí
1	Công trình...	...
2	Công trình...	...
...

Phụ lục IV
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng năm trước	Khối lượng năm nay	Tăng / giảm	Lý do tăng / giảm
1	Tuyến đường sắt (từ Km... đến Km...)					
	- Đường chính tuyến	km				
	- Đường ga	km				
	- Ghi	bộ				
	- Cầu	km				
	- Hàm	km				
	-					
2	Tuyến đường sắt (từ Km... đến Km...)					
	-					

Phụ lục V
MẪU TỜ TRÌNH KẾ HOẠCH
QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

(TÊN ĐƠN VỊ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../Tr-...

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định, phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt năm**

...(1)...

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân Thành phố;

- Sở Xây dựng.

Thực hiện quy định về bảo trì công trình đường sắt, ...(2)... trình thẩm định, phê duyệt quản lý, bảo trì công trình đường sắt năm ...(1)... như sau:

1. Căn cứ

...(3)...

2. Kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì năm trước

...(4)...

3. Mục tiêu và cơ cấu bố trí kinh phí kế hoạch

...(5)...

4. Nội dung kế hoạch

...(6)...

5. Đề xuất, kiến nghị

...(7)...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)***Họ và tên****Nơi nhận:**

- ...

- ...

- Lưu: ...

Hướng dẫn ghi tờ trình

- (1) Ghi năm kế hoạch.
- (2) Ghi tên doanh nghiệp trình kế hoạch bảo trì.
- (3) Ghi đầy đủ các căn cứ làm cơ sở để xây dựng kế hoạch bảo trì bao gồm: các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng; các văn bản chỉ đạo, điều hành trong quá trình thực hiện bảo trì có liên quan.
- (4) Tóm tắt kết quả thực hiện đối với các nội dung đã và đang thực hiện kế hoạch bảo trì của năm trước.
- (5) Thuyết minh mục tiêu hướng tới và nguyên tắc cơ cấu bố trí kinh phí trong kế hoạch để bảo đảm phù hợp với tình trạng kỹ thuật của công trình đường sắt và nhu cầu vận tải trên từng tuyến đường sắt; quá trình điều tra, xác nhận khối lượng nhu cầu bảo trì.
- (6) Thuyết minh làm rõ từng nội dung trong kế hoạch bảo trì gồm: bảo dưỡng công trình đường sắt; sửa chữa công trình; công tác khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố đã thực hiện; kiểm định, quan trắc và công tác khác (nếu có); quản lý, giám sát thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt; các nhiệm vụ xử lý khẩn cấp sự cố công trình; khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố cho năm tiếp theo; quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt.
- (7) Nêu rõ đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp trình kế hoạch bảo trì. (Tài liệu gửi kèm theo tờ trình theo quy định).

Phụ lục VI
BIỂU MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

(TÊN ĐƠN VỊ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-.....

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ KẾT QUẢ THỰC HIỆN BẢO TRÌ KẾT CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT*(Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm /năm...)*

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Sở Xây dựng.

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ:

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí (đồng)	Thời gian thực hiện	Mức độ hoàn thành (%)
1	Bảo dưỡng công trình đường sắt					
1.1	Tuyến đường sắt ... (từ Km... đến Km...)					
...	...					
2	Sửa chữa công trình đường sắt					
2.1	Công trình...					
...	...					
3	Nhiệm vụ khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố, tai nạn giao thông đường sắt					
3.1	Nhiệm vụ...					
...	...					

4	Công tác khác					
4.1	Công tác...					
...	...					

2. Đề xuất, kiến nghị:

a) Đề xuất:

b) Kiến nghị:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2026/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường,
Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quản lý, khai thác
các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập thuộc thẩm quyền quản lý
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 đã được sửa đổi,
bổ sung một số điều theo Luật số 48/2014/QH13;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều
theo Luật số 35/2018/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật
số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15 và Luật số 54/2024/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một
số điều theo Luật số 84/2025/QH15 và Luật số 116/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về thoát nước và
xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 24/2015/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và
biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý an toàn đập,
hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý hoạt
động đường thủy nội địa đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số
06/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành

một số điều của Luật Tài nguyên nước đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 23/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 40/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 74/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 15426/TTr-SNNMT-CCTL ngày 25 tháng 5 năm 2026 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 5572/BC-STP ngày 21 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định Quy định về phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quản lý, khai thác các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quản lý, khai thác các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2026.

Thay thế Quyết định số 135/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về phân cấp cho Ủy ban nhân dân các quận - huyện, thành phố Thủ Đức quản lý, khai thác các tuyến kênh, rạch thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Minh Thạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng,
Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quản lý, khai thác các tuyến sông,
suối, kênh, rạch, hồ, đập thuộc thẩm quyền quản lý
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2026/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2026
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quản lý, khai thác các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Quy định này không điều chỉnh việc phân cấp thẩm quyền thẩm định, quyết định đầu tư các dự án đầu tư xây dựng trên các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phân cấp quản lý, khai thác các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương II

**PHÂN CẤP CHO SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, SỞ XÂY DỰNG,
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU QUẢN LÝ, KHAI THÁC
CÁC TUYẾN SÔNG, SUỐI, KÊNH, RẠCH, HỒ, ĐẬP THUỘC THẨM
QUYỀN QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Điều 3. Nội dung phân cấp

1. Phân cấp cho Sở Xây dựng quản lý, khai thác (trừ các tuyến sông, suối, kênh, rạch trên địa bàn Đặc khu Côn Đảo)

a) Các tuyến sông, kênh, rạch có chức năng giao thông thủy.

b) Các tuyến sông, suối, kênh, rạch có chức năng tiêu thoát nước cho khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp đi qua địa giới hành chính từ 02 xã, phường trở lên, các tuyến trục thoát nước chính.

2. Phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý, khai thác (trừ các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập trên địa bàn Đặc khu Côn Đảo)

a) Các tuyến sông, suối, kênh, rạch có chức năng tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp đi qua địa giới hành chính từ 02 xã, phường trở lên, các hệ thống công trình thủy lợi, các tuyến trục chính.

b) Các hồ, đập có chức năng cung cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt, điều tiết lũ có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn từ 02 xã, phường trở lên.

3. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý, khai thác

a) Các tuyến sông, suối, kênh, rạch có chức năng tiêu thoát nước cho khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp và tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp thuộc phạm vi địa giới hành chính quản lý của các địa phương.

b) Các hồ, đập có chức năng cung cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt có phạm vi ảnh hưởng thuộc địa giới hành chính quản lý của các địa phương.

4. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân Đặc khu Côn Đảo quản lý, khai thác các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập trên địa bàn Đặc khu Côn Đảo.

Điều 4. Danh mục sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập phân cấp

1. Danh mục sông, suối, kênh, rạch phân cấp cho Sở Xây dựng quản lý, khai thác

a) Danh mục các tuyến sông, kênh, rạch có chức năng giao thông thủy thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (*Phụ lục 1*).

b) Danh mục các tuyến sông, suối, kênh, rạch có chức năng tiêu thoát nước cho khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp đi qua địa giới hành chính từ 02 xã, phường

trở lên, các tuyến trục thoát nước chính thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (*Phụ lục 2*).

2. Danh mục các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý, khai thác

a) Danh mục các tuyến sông, suối, kênh, rạch có chức năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp đi qua địa giới hành chính từ 02 xã, phường trở lên, các hệ thống công trình thủy lợi, các tuyến trục chính thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (*Phụ lục 3*).

b) Danh mục các hồ, đập có chức năng cung cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt, điều tiết lũ có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn từ 02 xã, phường trở lên thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (*Phụ lục 4*).

3. Danh mục các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập phân cấp cho Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý, khai thác.

a) Danh mục các tuyến sông, suối, kênh, rạch có chức năng tiêu thoát nước cho khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp và tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp thuộc phạm vi địa giới hành chính quản lý của địa phương (*Phụ lục 5*).

b) Danh mục các hồ, đập có chức năng cung cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt, hồ điều hòa có phạm vi ảnh hưởng thuộc địa giới hành chính quản lý của địa phương (*Phụ lục 6*).

4. Danh mục các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập phân cấp cho Ủy ban nhân dân Đặc khu Côn Đảo quản lý, khai thác (*Phụ lục 7*).

5. Đối với các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập có từ 02 chức năng trở lên đi qua địa giới hành chính nhiều xã, phường: Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp tổ chức quản lý, khai thác có hiệu quả theo phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Đối với các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập chưa có trong danh mục phân cấp; thuộc ranh giới hành chính giữa các xã, phường (nếu có): Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý theo phạm vi địa giới hành chính của địa phương; định kỳ hàng năm, các địa phương rà soát, báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh, bổ sung vào Danh mục phân cấp theo quy định.

Điều 5. Các giải pháp triển khai quản lý, khai thác có hiệu quả các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập

1. Tổ chức xây dựng, công bố và cung cấp thông tin mép bờ cao quy hoạch và hành lang bảo vệ trên bờ của các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập theo chức năng được giao quản lý, khai thác cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định.

2. Tổ chức rà soát và thực hiện xây dựng, điều chỉnh, cập nhật các hệ thống đồ án quy hoạch, bản đồ quy hoạch xây dựng đô thị, bản đồ các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập được phân cấp quản lý, khai thác khi có sự thay đổi mép bờ cao, phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập.

3. Công bố hệ thống đồ án quy hoạch, bản đồ quy hoạch xây dựng đô thị, bản đồ các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập được phân cấp quản lý, khai thác (bao gồm các tài liệu, dữ liệu như: Bản đồ quy hoạch chi tiết, mép bờ cao, sơ đồ và tọa độ vị trí các mốc chỉ giới hành lang bảo vệ các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập).

4. Tổ chức triển khai cắm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập được phân cấp quản lý, khai thác theo quy định (trừ các khu vực đã có bản đồ địa chính).

5. Xây dựng Quy chế phối hợp quản lý, khai thác các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập có từ 02 chức năng trở lên (trước tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp; tiêu thoát nước khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp và giao thông thủy) hoặc thuộc ranh giới hành chính giữa 02 xã, phường đảm bảo phát huy hiệu quả đa chức năng của tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập theo trách nhiệm quản lý của từng cơ quan, đơn vị.

6. Cấp phép các hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ công trình thủy lợi được phân cấp quản lý theo Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn Luật; thỏa thuận về vị trí, quy mô xây dựng công trình trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập đã được phân cấp quản lý và các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập phát sinh mới ngoài danh mục phân cấp quản lý thuộc địa giới hành chính của địa phương.

7. Thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm tra, xử lý kịp thời hoặc báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền (trường hợp vượt thẩm quyền) xử lý đối với các trường hợp vi phạm các quy định của pháp luật trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập theo phân cấp quản lý, khai thác.

8. Kiểm tra và chủ động đề xuất, bố trí, cân đối nguồn kinh phí trong kế hoạch hằng năm của các đơn vị, địa phương để tổ chức bảo trì, sửa chữa, nâng cấp công trình theo quy định; thực hiện việc nạo vét bùn đất bồi lắng, bãi cạn, thanh thải chướng ngại vật khơi thông dòng chảy; vớt rác, lục bình, cỏ dại trên các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập được phân cấp quản lý, khai thác nhằm đảm bảo công trình hoạt động an toàn, hiệu quả.

Chương III

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH

Điều 6. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu theo nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý, khai thác của địa phương được phân cấp quản lý, trong đó tổ chức đánh giá hiện trạng và thống kê đầy đủ các số liệu cơ bản của các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập (tên sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập, địa điểm, lý trình, chiều dài, chiều rộng trung bình).

2. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, rà soát kịp thời phát hiện các tuyến sông, kênh, rạch, hồ, đập đã thay đổi cơ quan quản lý, thay đổi chức năng, nhiệm vụ hoặc chưa có trong danh mục phân cấp; giao Sở Nông nghiệp và Môi trường làm đầu mối tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét điều chỉnh hoặc thay thế Quyết định theo quy định, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 7. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong việc quản lý, khai thác các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập trên địa bàn Thành phố thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố

Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp, bảo đảm các nội dung phân cấp được thực hiện hiệu lực, hiệu quả; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp trong trường hợp không bảo đảm điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

b) Bảo đảm điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết khác để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập được phân cấp, đảm bảo đồng bộ, phát huy hiệu quả phục vụ của các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập.

c) Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (khi có yêu cầu) để thực hiện tốt nhiệm vụ được phân cấp; kiểm tra, giám sát việc thực hiện phân cấp của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập trên địa bàn Thành phố.

đ) Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện phân cấp, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét xử lý, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước theo nội dung đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy định cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định pháp luật hiện hành.

3. Sở Xây dựng

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

b) Bảo đảm điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết khác để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với các tuyến sông, suối, kênh, rạch được phân cấp, đảm bảo đồng bộ, phát huy hiệu quả phục vụ của các tuyến sông, suối, kênh, rạch.

c) Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu

(khi có yêu cầu) để thực hiện tốt nhiệm vụ được phân cấp; kiểm tra, giám sát việc thực hiện phân cấp của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu được phân cấp

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

b) Tuyên truyền, phổ biến, niêm yết công khai Quy định về phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quản lý, khai thác các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và điểm sinh hoạt cộng đồng.

c) Bảo đảm điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết khác để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập có chức năng tiêu thoát nước, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn được phân cấp, đảm bảo đồng bộ, phát huy hiệu quả phục vụ của các tuyến kênh, rạch; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

d) Hằng năm, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tăng cường thanh tra, kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được phân cấp quản lý nhà nước đối với các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập; báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp) để theo dõi, chỉ đạo kịp thời. Đồng thời, phối hợp cung cấp thông tin, báo cáo kết quả thực hiện phân cấp cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp để thực hiện chức năng giám sát, phản biện và kịp thời kiến nghị xử lý các bất cập, khó khăn của người dân.

đ) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh đột xuất hoặc khi có sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ pháp lý ban hành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường (được giao là cơ quan đầu mối) chủ trì, tổng hợp tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

5. Các Sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tham mưu Ủy ban

nhân dân Thành phố kịp thời kiểm tra, hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước theo nội dung đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố

Phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong việc giám sát, đánh giá kết quả thực hiện phân cấp quản lý, khai thác các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập. Kịp thời tổng hợp phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện. Tham gia phản biện xã hội đối với các chủ trương, chính sách có liên quan, góp phần bảo đảm việc phân cấp, phân quyền được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy định và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40/2026/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về chính sách và mức hỗ trợ khắc phục thiệt hại
do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 63/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 53/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro thiên tai trên biển;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố

quy định về mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 14809/TTr-SNNMT-CCTL ngày 21 tháng 5 năm 2026 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 4993/BC-STP ngày 11 tháng 5 năm 2026.

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định Quy định về chính sách và mức hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách và mức hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 7 năm 2026.

Thay thế Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về chính sách và mức hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Minh Thạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Chính sách và mức hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số 40/2026/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2026
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định các mức hỗ trợ về chính sách trợ giúp cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, lốc, sét, mưa đá, sương mù, mưa lớn, lũ (xả lũ), ngập lụt, nước dâng, sạt lở đất, sụt lún đất, nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, cháy rừng do tự nhiên, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác.

Đối với chính sách hỗ trợ tàu cá, ngư cụ áp dụng cho các tổ chức, cá nhân khai thác, nuôi trồng thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá trên biển, ven biển, hải đảo khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra; không thuộc các lực lượng của Nhà nước tham gia cứu người và tài sản bị rủi ro do thiên tai trên biển.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng hỗ trợ cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai gây ra; hỗ trợ tổ chức, cá nhân có tàu cá, ngư cụ bị thiệt hại do thiên tai gây ra và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Riêng đối với đối tượng bị thiệt hại về sản xuất nông nghiệp (cây trồng, vật nuôi, thủy sản, sản xuất muối) áp dụng theo chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số

9/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Nhà nước hỗ trợ và chia sẻ cùng người dân khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra.

2. Hỗ trợ kịp thời, trực tiếp bằng tiền hoặc hiện vật để nhanh chóng khôi phục sản xuất, ổn định cuộc sống.

3. Công bằng, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, định mức.

4. Đối với nhà ở phải đảm bảo nguồn gốc pháp lý rõ ràng và không nằm trong diện xây dựng trái phép, không phép, lấn chiếm; không vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình (đường bộ, đường sắt, đường thủy, thủy lợi, đê điều, hồ đập).

5. Đối với các tàu hậu cần, tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản phải thực hiện đúng quy định của Nhà nước về khai thác thủy sản, không khai thác thủy sản bằng các loại nghề cấm theo quy định của pháp luật; chấp hành đúng các quy định về an toàn tàu cá và có đầy đủ giấy tờ theo quy định của pháp luật (giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá còn thời hạn, giấy phép khai thác thủy sản còn thời hạn, sổ danh bạ thuyền viên).

6. Đối với những chính sách và mức hỗ trợ trong Quy định này được viện dẫn áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; khi các văn bản này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Chương II

CÁC CHÍNH SÁCH VÀ MỨC HỖ TRỢ CHO CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Điều 3. Hỗ trợ chi phí mai táng, điều trị người bị thương nặng

1. Hộ gia đình có người chết, mất tích được xem xét hỗ trợ chi phí mai táng với mức tối thiểu bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức mai táng cho người chết do không

có người nhận trách nhiệm tổ chức mai táng thì được xem xét, hỗ trợ chi phí mai táng theo chi phí thực tế, tối thiểu bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị thương nặng tại nơi cư trú được xem xét hỗ trợ với mức tối thiểu bằng 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc thì cơ quan, tổ chức trực tiếp cấp cứu, chữa trị có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu nơi cấp cứu, chữa trị cho đối tượng quyết định hỗ trợ theo mức tối thiểu bằng 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu xem xét, quyết định.

3. Mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng theo mức 650.000 đồng/tháng được quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp văn bản cơ quan cấp trên quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội cao hơn mức chuẩn của Thành phố Hồ Chí Minh thì áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo văn bản cơ quan cấp trên quy định cho đến khi Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức chuẩn mới.

Điều 4. Hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở với mức tối thiểu 40.000.000 đồng/hộ.

2. Hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ thiên tai gây ra được xem xét hỗ trợ chi phí di dời nhà ở với mức tối thiểu 30.000.000 đồng/hộ.

3. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức tối thiểu 20.000.000 đồng/hộ.

Điều 5. Hỗ trợ lương thực và nhu yếu phẩm thiết yếu

1. Hỗ trợ 15 kg gạo/người/tháng trong thời gian không quá 03 tháng cho mỗi đợt hỗ trợ cho đối tượng thiếu đói do thiên tai.

2. Hỗ trợ nhu yếu phẩm thiết yếu

Đối tượng có hoàn cảnh khó khăn do thiên tai mà mất nhà ở và không có khả năng tự bảo đảm các nhu cầu thiết yếu thì được xem xét hỗ trợ: lều bạt, nước uống, thực phẩm, chăn màn, xoong nồi, chất đốt, xuống máy và một số mặt hàng thiết yếu khác phục vụ nhu cầu trước mắt, tại chỗ.

Điều 6. Hỗ trợ khắc phục thiệt hại về tàu cá, ngư cụ

1. Đối với vỏ tàu (thân tàu) và máy tàu

a) Trường hợp vỏ tàu (thân tàu), máy tàu bị mất hoặc hư hỏng không thể khắc phục được phải thay mới để tái sản xuất:

Vỏ tàu (thân tàu) và máy tàu bị mất hoặc hư hỏng không thể khắc phục được: số tiền hỗ trợ được tính bằng 50% giá trị của vỏ tàu (thân tàu) và máy tàu mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 200.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 400.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

Trường hợp chỉ có vỏ tàu (thân tàu) bị mất hoặc hư hỏng không thể khắc phục được: số tiền hỗ trợ được tính bằng 50% giá trị của vỏ tàu (thân tàu) mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 100.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 200.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

Trường hợp chỉ có máy tàu bị mất hoặc hư hỏng không thể khắc phục được: số tiền hỗ trợ được tính bằng 50% giá trị của máy tàu mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 100.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 200.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

b) Trường hợp vỏ tàu (thân tàu), máy tàu bị hư hỏng nặng, tỷ lệ thiệt hại từ 50% trở lên, nhưng chưa đến mức thiệt hại toàn bộ, buộc phải thay thế, sửa chữa để tái sản xuất, phần hỗ trợ này được tính chung cho cả chi phí trực vớt phương tiện (thân tàu, máy tàu):

Vỏ tàu (thân tàu) và máy tàu bị hư hỏng nặng, tỷ lệ thiệt hại từ 50% trở lên: số tiền hỗ trợ được tính bằng 30% của tỷ lệ thiệt hại nhân với giá trị của vỏ tàu (thân tàu) và máy tàu mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 100.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 200.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

Trường hợp chỉ có vỏ tàu (thân tàu) bị hư hỏng nặng, tỷ lệ thiệt hại từ 50% trở lên: số tiền hỗ trợ được tính bằng 30% của tỷ lệ thiệt hại nhân với giá trị của vỏ tàu (thân tàu) mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 50.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 100.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

Trường hợp chỉ có máy tàu bị hư hỏng nặng, tỷ lệ thiệt hại từ 50% trở lên: số tiền hỗ trợ được tính bằng 30% của tỷ lệ thiệt hại nhân với giá trị của máy tàu mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 50.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 100.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

Các hộ gia đình, cá nhân có tàu bị thiệt hại do thiên tai gây ra sẽ được xem xét hỗ trợ kinh phí để khôi phục sản xuất căn cứ vào giá trị phần vỏ tàu (thân tàu), máy tàu với công suất, thiết kế (kích thước, tải trọng), xuất xứ (nơi sản xuất, nhãn hiệu) được ghi trên giấy xác nhận (hoặc giấy chứng nhận) đăng ký tàu cá và giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đã bị thiệt hại. Trường hợp phần vỏ tàu (thân tàu), máy tàu có công suất, thiết kế, xuất xứ không thuộc danh mục Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu chịu trách nhiệm xác định mức giá trị của vỏ tàu (thân tàu), máy tàu có công suất, thiết kế, xuất xứ tương đương, phù hợp với thực tế trên giấy xác nhận đăng ký tàu cá và giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đã bị thiệt hại.

2. Đối với thiệt hại ngư cụ bị mất toàn bộ hoặc hư hỏng nặng, không thể khắc phục: số tiền hỗ trợ được tính bằng 50% giá trị của ngư cụ mua mới được thanh toán theo hóa đơn, chứng từ thực tế, thay thế số ngư cụ bị mất hoặc hư hỏng. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 50.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 100.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

3. Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu chịu trách nhiệm xác định mức độ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với tàu cá, ngư cụ.

4. Đối với tàu cá có mua bảo hiểm thì áp dụng chính sách và mức bồi thường theo hợp đồng đã ký với đơn vị bảo hiểm.

Điều 7. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí chi hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai gây ra theo quy định tại Chương II Quy định này bao gồm:

1. Dự phòng ngân sách của địa phương.

2. Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố phân bổ cho Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 63/2025/NĐ-CP và Điều 18 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai.

3. Đóng góp, tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài và các nguồn hợp pháp khác.

Trường hợp các nguồn kinh phí của địa phương có khó khăn, không đủ kinh phí thực hiện, Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để được xem xét, giải quyết.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Là cơ quan đầu mối, chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu thống kê, tổng hợp tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành Thành phố thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ của địa phương có cá nhân, hộ gia đình, tổ chức bị thiệt hại do thiên tai gây ra đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định, tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Điều 9. Sở Y tế

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ban, ngành Thành phố, địa phương kiểm tra, rà soát và tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định hỗ trợ đối với đối tượng bị thiệt hại do thiên tai được quy định tại Chương III Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Điều 10. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách để triển khai thực hiện Quyết định này theo quy định; hướng dẫn sở, ngành, đơn vị Thành phố, Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu trình tự, thủ tục, quyết toán kinh phí thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 11. Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu

1. Huy động lực lượng xung kích phòng chống thiên tai, các đoàn thể và tình nguyện viên tại địa phương để thực hiện tốt công tác khắc phục hậu quả thiên tai; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương tổ chức thăm hỏi, động viên, hỗ trợ, giúp đỡ các hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai sớm ổn định cuộc sống, sinh hoạt và sản xuất.

2. Thực hiện việc thống kê, kiểm kê, đánh giá chính xác mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ, đảm bảo hỗ trợ kịp thời, đúng chính sách và mức hỗ trợ theo quy định, cụ thể:

a) Tổ chức kiểm tra, thẩm định, quyết định hỗ trợ sau thiên tai:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu thành lập Tổ kiểm tra, bao gồm: đại diện Ủy ban nhân dân, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương, Trưởng ấp - khu phố. Tùy thực tế tình hình ảnh hưởng của thiên tai đến ngành, lĩnh vực nào, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu quyết định bổ sung thành viên Tổ kiểm tra cho phù hợp với tình hình thực tế. Tổ kiểm tra thực hiện thống kê, đánh giá, xác minh mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ thiệt hại báo cáo Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu xem xét.

Trên cơ sở báo cáo của Tổ kiểm tra, Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu tổ chức thẩm định, quyết định hỗ trợ theo thẩm quyền hoặc tổng hợp gửi Sở Nông

nghiệp và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định hỗ trợ theo quy định.

b) Tổng hợp, kiểm kê, đánh giá, định giá thiệt hại thực hiện theo Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra. Trình tự thủ tục hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của cơ quan, đơn vị quản lý chuyên ngành các cấp và theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Đối với nhà ở của người dân bị thiệt hại phải thống kê rõ họ tên chủ hộ, địa chỉ, nhân khẩu, kết cấu nhà; phải ghi rõ mức độ thiệt hại như nhà đổ, sập hoàn toàn, nhà hư hỏng nặng không ở được; đồng thời xác định nguồn gốc pháp lý rõ ràng của nhà ở bị thiệt hại.

Đối với tàu cá bị chìm, hư hỏng phải thống kê rõ chủ phương tiện, số hiệu, kích thước, tải trọng, công suất máy, ngư cụ, vị trí khu vực bị chìm; phải ghi rõ mức độ thiệt hại như bị mất, chìm, hư hỏng nặng, hư hỏng một phần cụ thể theo tỷ lệ % thiệt hại.

c) Thời gian tổ chức đánh giá, thẩm định thiệt hại, tổng hợp, báo cáo và đề xuất hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ khi thiên tai kết thúc. Đối với thiên tai xảy ra trên diện rộng, gây thiệt hại lớn thì thời gian được kéo dài nhưng không quá 15 ngày làm việc.

3. Sử dụng kinh phí hỗ trợ sửa chữa nhà ở, tàu cá, ngư cụ để khôi phục đời sống, sinh hoạt, sản xuất đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực; công khai chính sách, mức hỗ trợ, danh sách hỗ trợ trên Cổng thông tin điện tử, phương tiện truyền thông và niêm yết tại trụ sở của Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu theo đúng quy định của pháp luật.

4. Chủ động sử dụng nguồn dự phòng ngân sách địa phương, Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố phân bổ cho địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện hỗ trợ thiệt hại do thiên tai; kịp thời tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố hỗ trợ kinh phí nếu các nguồn kinh phí của địa phương không đảm bảo.

5. Kết thúc đợt thiên tai, các địa phương tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và

Môi trường, Sở Y tế và Sở Tài chính kết quả thực hiện hỗ trợ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 12. Tổng hợp khó khăn, vướng mắc

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố./.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn

Điện thoại: (028)38.233.686

Fax:(028)38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: <https://congbao.hochiminhcity.gov.vn>